

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại
Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn thành phố Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính đưa vào tiếp nhận và trả kết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn thành phố Huế. (Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. UBND cấp xã có trách nhiệm niêm yết, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết kèm theo Quyết định này tại trụ sở cơ quan và trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã trên địa bàn thành phố Huế, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố
- TTPVHCC thành phố;
- UBND xã, phường;
- CTTĐT thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH
CHÍNH CÔNG CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HUẾ
(Kèm theo Quyết định số 1948 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	QĐ Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	3.000468.000.00.00.H57	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
2	3.000467.000.00.00.H57	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
3	1.013796.000.00.00.H57	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	1846/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
4	1.013797.000.00.00.H57	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	1846/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

5	1.013798.000.00.00.H57	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	1846/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
6	1.013822.000.00.00.H57	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
7	1.013821.000.00.00.H57	Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

8	1.013997.000.00.00.H57	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
9	1.013768.000.00.00.H57	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	1870/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
10	1.013967.000.00.00.H57	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
11	1.013953.000.00.00.H57	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

12	1.013950.000.00.00.H57	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
13	1.013979.000.00.00.H57	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
14	1.013978.000.00.00.H57	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
15	1.013965.000.00.00.H57	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

16	1.013952.000.00.00.H57	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
17	1.013949.000.00.00.H57	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

18	1.013794.000.00.00.H57	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	3598/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
19	1.013795.000.00.00.H57	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	3598/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
20	1.013792.000.00.00.H57	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	3598/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
21	1.013791.000.00.00.H57	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	3598/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

22	1.013962.000.00.00.H57	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
----	------------------------	--	--------------	-------------------	--	--------------------	--------	-----------

23	1.013793.000.00.00.H57	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	3598/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
24	1.013734.000.00.00.H57	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
25	1.013745.000.00.00.H57	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
26	1.013750.000.00.00.H57	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
27	1.013743.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ, sỹ quan thuộc lực lượng vũ trang (công an, quân đội)	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

28	1.013744.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
29	1.013749.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

30	1.013724.000.00.00.H57	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động .	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
31	1.013725.000.00.00.H57	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh .	1788/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
32	1.005040.000.00.00.H57	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
33	1.013717.000.00.00.H57	Quỹ tự giải thể	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

34	1.013710.000.00.00.H57	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1786/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
35	1.013716.000.00.00.H57	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
36	1.013708.000.00.00.H57	Hội tự giải thể	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
37	1.013712.000.00.00.H57	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
38	1.013713.000.00.00.H57	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
39	1.013715.000.00.00.H57	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

40	1.013709.000.00.00.H57	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
41	1.013707.000.00.00.H57	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
42	1.013714.000.00.00.H57	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
43	1.013711.000.00.00.H57	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
44	1.013706.000.00.00.H57	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
45	1.013704.000.00.00.H57	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
46	1.013703.000.00.00.H57	Thành lập hội	1786/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
47	1.013702.000.00.00.H57	Công nhận ban vận động thành lập hội	1786/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

48	3.000440.000.00.00.H57	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1821/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
49	3.000443.000.00.00.H57	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1821/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
50	3.000441.000.00.00.H57	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1821/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

51	3.000442.000.00.00.H57	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1821/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
52	3.000439.000.00.00.H57	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	1821/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Biển và hải đảo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
53	2.002771.000.00.00.H57	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1299/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
54	2.002770.000.00.00.H57	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1299/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

55	1.013128.000. 00.00.H57	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	1346/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Ứng phó sự cố tràn dầu (Bộ Quốc phòng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
56	1.010774.000. 00.00.H57	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

57	1.010773.000.00.00.H57	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	1788/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
58	1.010775.000.00.00.H57	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
59	1.010772.000.00.00.H57	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
60	1.010777.000.00.00.H57	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

61	1.010783.000.00.00.H57	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
62	1.010781.000.00.00.H57	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
63	1.010778.000.00.00.H57	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
64	3.000410.000.00.00.H57	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	1041/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
65	1.010815.000.00.00.H57	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
66	3.000325.000.00.00.H57	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	327/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
67	3.000326.000.00.00.H57	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	1869/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

68	3.000327.000.00.00.H57	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	1869/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
69	1.013314.000.00.00.H57	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	325/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
70	1.013313.000.00.00.H57	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	325/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
71	1.013310	Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP.	273/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
72	1.013312	Nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng sen, cây ăn quả, cây dược liệu; đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP, làng nghề	273/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

73	1.013311	Phê duyệt hỗ trợ đầu tư đầu tư trồng sen, cây ăn quả, cây dược liệu; đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm OCOP, làng nghề	273/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
74	1.013309	Nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ liên kết trong sản xuất nông nghiệp.	273/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
75	1.013274.000.00.00.H57	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
76	3.000323.000.00.00.H57	Đăng ký giám sát việc giám hộ	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

77	3.000322.000.00.00.H57	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
78	1.013264.000.00.00.H57	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	42 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Khen thưởng (Bộ Quốc phòng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
79	1.013263.000.00.00.H57	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	42 /QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Khen thưởng (Bộ Quốc phòng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
80	1.013227.000.00.00.H57	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

81	1.013228.000.00.00.H57	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
82	1.013226.000.00.00.H57	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

83	1.013232.000.00.00.H57	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
84	1.013229.000.00.00.H57	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

85	1.013225.000.00.00.H57	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
86	1.013040.000.00.00.H57	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	3117	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
87	1.013061.000.00.00.H57	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1851/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
88	1.002211.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
89	2.000950.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

90	1.013030.000.00.00.H57	Thủ tục quỹ tự giải thể. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
91	1.013029.000.00.00.H57	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
92	1.013028.000.00.00.H57	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
93	1.013027.000.00.00.H57	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
94	1.013026.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

95	1.013024.000.00.00.H57	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
96	1.013025.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ. (cấp huyện)	3063/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
97	1.012941.000.00.00.H57	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp huyện)	2934/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
98	1.012940.000.00.00.H57	Thủ tục thành lập hội. (cấp huyện)	2934/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
99	1.012952.000.00.00.H57	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn (cấp huyện).	2934/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

100	1.012950.000. 00.00.H57	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (cấp huyện).	2934/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
101	1.012949.000. 00.00.H57	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (cấp huyện)	2934/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
102	1.012951.000. 00.00.H57	Thủ tục hội tự giải thể (cấp huyện).	2934/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
103	1.012939.000. 00.00.H57	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội. (Cấp Huyện)	2934/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

104	1.012975.000.00.00.H57	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
105	1.012974.000.00.00.H57	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
106	1.012973.000.00.00.H57	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
107	1.012971.000.00.00.H57	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
108	1.012972.000.00.00.H57	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
109	1.012970.000.00.00.H57	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

110	1.012969.000.00.00.H57	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
111	1.012967.000.00.00.H57	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
112	1.012964.000.00.00.H57	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
113	1.012963.000.00.00.H57	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

114	1.012968.000.00.00.H57	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
115	1.012966.000.00.00.H57	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
116	1.012965.000.00.00.H57	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
117	1.012962.000.00.00.H57	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

118	1.012961.000.00.00.H57	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
119	3.000309.000.00.00.H57	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
120	3.000308.000.00.00.H57	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
121	3.000307.000.00.00.H57	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

				HTX)				
122	1.012996.000.00.00.H57	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	2889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
123	1.012994.000.00.00.H57	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	2889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
124	1.012995.000.00.00.H57	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	2889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

125	1.012922.000.00.00.H57	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
126	2.002668.000.00.00.H57	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
127	1.012888.000.00.00.H57	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1851/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
128	1.012837.000.00.00.H57	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà	1889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

		nước						
129	1.012836.000.00.00.H57	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	1889/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
130	1.012818.000.00.00.H57	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
131	1.012753.000.00.00.H57	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1866/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

132	2.002650.000.00.00.H57	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
133	2.002649.000.00.00.H57	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
134	2.002646.000.00.00.H57	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
135	2.002645.000.00.00.H57	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
136	2.002643.000.00.00.H57	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
137	2.002642.000.00.00.H57	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

					xã (Bộ Tài chính)			
138	2.002641.000.00.00.H57	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
139	2.002640.000.00.00.H57	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
140	2.002639.000.00.00.H57	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
141	2.002638.000.00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
142	2.002637.000.00.00.H57	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	1358/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

143	2.002648.000.00.00.H57	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
144	2.002644.000.00.00.H57	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
145	2.002636.000.00.00.H57	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
146	2.002635.000.00.00.H57	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

147	1.012812.000.00.00.H57	Hòa giải tranh chấp đất đai	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
148	1.012796.000.00.00.H57	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
149	1.012817.000.00.00.H57	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	1866/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
150	1.012695.000.00.00.H57	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

151	1.012694.000.00.00.H57	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1849/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
152	1.012569.000.00.00.H57	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	2007/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
153	1.012568.000.00.00.H57	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	2007/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
154	1.012598.000.00.00.H57	thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (cấp huyện)	906/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
155	1.012584.000.00.00.H57	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	906/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

156	1.012582.000.00.00.H57	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	906/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
157	1.012585.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	1846/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
158	1.012590.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	1846/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
159	1.012592.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	906/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
160	1.012591.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	906/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

161	1.012531.000. 00.00.H57	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1308/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
162	1.012538.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ	1878/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
163	1.012537.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ, chính sách cho người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ	1878/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Chính sách (Bộ Công an)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
164	2.002620.000. 00.00.H57	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	2127/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

165	3.000256.000.00.00.H57	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật	3687/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
166	1.012301.000.00.00.H57	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	676/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
167	1.012300.000.00.00.H57	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	676/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
168	1.012299.000.00.00.H57	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	676/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
169	3.000250.000.00.00.H57	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	1849/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
170	2.002594.000.00.00.H57	Đề nghị đánh giá, công nhận “Đơn vị học tập” cấp huyện	179/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

171	1.012223.000.00.00.H57	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	1846/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
172	1.012222.000.00.00.H57	Công nhận người có uy tín	1846/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
173	1.012169	Hỗ trợ chi phí hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	3085/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
174	1.012124	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	3014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

175	1.012123	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác	3014/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
176	1.012085.000.00.00.H57	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	2940/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
177	1.012084.000.00.00.H57	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	2940/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
178	1.011833	Thủ tục trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo không có khả năng lao động	2027/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

179	1.011832	Thủ tục trợ cấp xã hội hàng tháng cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	2027/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
180	1.011831	Thủ tục xóa nhà tạm cho hộ nghèo	2027/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
181	1.011830	Thủ tục Hỗ trợ lắp đặt hệ thống xử lý nước sạch cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	2027/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
182	1.011829	Thủ tục Hỗ trợ phương tiện nghe nhìn cho hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	2027/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
183	1.011609.000.00.00.H57	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	1179/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
184	1.011608.000.00.00.H57	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	1179/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
185	1.011607.000.00.00.H57	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	1179/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

186	1.011606.000.00.00.H57	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	1857/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
187	1.011532	Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý	696/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
188	1.000045.000.00.00.H57	Xác nhận bảng kê lâm sản.	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

189	1.011471.000.00.00.H57	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
190	1.003440.000.00.00.H57	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
191	1.003446.000.00.00.H57	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

192	2.001621.000.00.00.H57	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1214/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
193	1.004498.000.00.00.H57	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1887/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
194	1.003471.000.00.00.H57	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1870/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
195	2.001627.000.00.00.H57	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	1870/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

196	1.004478.000.00.00.H57	Công bố mở cảng cá loại III	1887/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
197	1.003956.000.00.00.H57	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	1887/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
198	1.003347.000.00.00.H57	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	1870/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

199	1.003605.000.00.00.H57	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
200	1.003434.000.00.00.H57	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	1820/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
201	2.002396.000.00.00.H57	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	3114/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
202	2.002516.000.00.00.H57	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	2.002409.000.00.00.H57	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	2915./QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

204	2.002481.000.00.00.H57	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
205	1.010945.000.00.00.H57	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	1437/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
206	2.002501.000.00.00.H57	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	1437/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
207	1.010941.000.00.00.H57	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	1603/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
208	1.010940.000.00.00.H57	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1603/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

209	1.010939.000.00.00.H57	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1603/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
210	1.010938.000.00.00.H57	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1603/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
211	2.002483.000.00.00.H57	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	1038/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
212	1.010833.000.00.00.H57	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
213	1.010832.000.00.00.H57	Thăm viếng mộ liệt sĩ	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
214	1.010830.000.00.00.H57	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

215	1.010829.000.00.00.H57	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
216	1.010825.000.00.00.H57	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
217	1.010821.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
218	1.010820.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
219	1.010819.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
220	1.010814.000.00.00.H57	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

221	1.010811.000. 00.00.H57	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
222	1.010810.000. 00.00.H57	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
223	1.010805.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
224	1.010804.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
225	1.010803.000. 00.00.H57	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	1788/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

226	1.010802.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	2.002482.000.00.00.H57	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	1038/QĐ-UBND	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
228	1.010824.000.00.00.H57	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
229	1.010818.000.00.00.H57	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
230	1.010817.000.00.00.H57	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
231	1.010816.000.00.00.H57	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

232	1.010788.000.00.00.H57	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	1078/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
233	1.010812.000.00.00.H57	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
234	1.010801.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
235	1.010736.000.00.00.H57	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	1225/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

236	1.004082.000.00.00.H57	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	1029/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
237	3.000201	Hỗ trợ thuê mặt bằng	472/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
238	3.000200	Hỗ trợ đầu tư nhà xưởng mới	472/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

239	3.000199	Hỗ trợ chi phí di dời	472/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
240	2.001088.000.00.00.H57	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	447/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
241	1.010091.000.00.00.H57	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	1853/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
242	1.010092.000.00.00.H57	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	1853/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

243	1.009465.000.00.00.H57	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
244	1.009455.000.00.00.H57	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

245	1.009454.000.00.00.H57	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
246	1.009453.000.00.00.H57	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

247	1.009447.000. 00.00.H57	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
248	1.009444.000. 00.00.H57	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

249	1.009452.000.00.00.H57	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
250	3.000182.000.00.00.H57	Tuyển sinh trung học cơ sở	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
251	2.002401.000.00.00.H57	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	2985/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
252	2.002402.000.00.00.H57	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	2985/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
253	2.002403.000.00.00.H57	Thủ tục thực hiện việc giải trình	2985/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

254	2.002400.000.00.00.H57	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	2985/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
255	2.002363.000.00.00.H57	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1827/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
256	2.002349.000.00.00.H57	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	1827/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
257	1.003005.000.00.00.H57	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	1827/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
258	1.008455.000.00.00.H57	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

259	1.008951.000.00.00.H57	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1853/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
260	1.008950.000.00.00.H57	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	668/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
261	3.000159.000.00.00.H57	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
262	1.003596.000.00.00.H57	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	1445/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

263	1.008603.000.00.00.H57	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	3117	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
264	1.006391.000.00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
265	1.008725.000.00.00.H57	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1789/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
266	1.008724.000.00.00.H57	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1789/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

267	2.002308.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	1028/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
268	2.002307.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	580/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
269	1.008004.000.00.00.H57	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	1241/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
270	1.007919.000.00.00.H57	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	1849/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

271	2.002284.000.00.00.H57	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
272	2.000629.000.00.00.H57	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2400/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
273	1.001279.000.00.00.H57	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2400/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
274	2.000633.000.00.00.H57	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2400/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
275	1.003141.000.00.00.H57	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	284/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

276	1.002662.000.00.00.H57	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã	284/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
277	2.002226.000.00.00.H57	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
278	2.002228.000.00.00.H57	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
279	1.005201.000.00.00.H57	Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	1999/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

280	1.005358.000.00.00.H57	Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe cấp huyện	1999/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
281	1.006445.000.00.00.H57	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
282	1.006444.000.00.00.H57	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1789/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
283	1.006390.000.00.00.H57	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1789/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
284	1.002407.000.00.00.H57	Xét, cấp học bổng chính sách	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

285	2.000794.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	81/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thẻ dực thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
286	1.001266.000.00.00.H57	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
287	1.001570.000.00.00.H57	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
288	2.000575.000.00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
289	2.000720.000.00.00.H57	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
290	1.001612.000.00.00.H57	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

291	2.000206.000.00.00.H57	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	1760/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
292	2.001261.000.00.00.H57	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
293	2.001270.000.00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
294	2.001283.000.00.00.H57	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1759/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

295	2.000150.000.00.00.H57	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1760/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
296	2.000162.000.00.00.H57	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1759/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
297	2.000181.000.00.00.H57	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	1759/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
298	2.000615.000.00.00.H57	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	1759/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
299	2.000620.000.00.00.H57	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1759/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
300	2.001384.000.00.00.H57	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	1760/QĐ-UBND	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn đập, hồ chứa thủy điện (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
301	2.001009.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

302	1.000047.000.00.00.H57	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1308/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
303	2.001023.000.00.00.H57	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
304	2.002080.000.00.00.H57	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
305	2.001255.000.00.00.H57	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	1827/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
306	2.001263.000.00.00.H57	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	1827/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
307	1.004827.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1847/QĐ-UBND	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

308	2.001035.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
309	2.001016.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
310	2.001019.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực di chúc	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
311	1.000894.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký kết hôn	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
312	1.000689.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
313	1.000656.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai tử	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
314	1.000593.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
315	1.000419.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
316	1.000080.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

317	1.000094.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
318	1.000110.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
319	1.003583.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
320	2.001457.000.00.00.H57	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
321	2.001449.000.00.00.H57	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp,	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

				HTX); Tổ chức nước ngoài				
322	2.001406.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
323	2.000930.000.00.00.H57	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	2588/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
324	2.000986.000.00.00.H57	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	1076/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
325	1.001022.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
326	1.001193.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
327	1.004772.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
328	1.004746.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

329	1.004873.000.00.00.H57	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
330	1.004845.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
331	1.004837.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký giám hộ	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
332	1.004859.000.00.00.H57	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
333	1.005461.000.00.00.H57	Đăng ký lại khai tử	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
334	1.004884.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
335	1.004359.000.00.00.H57	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1138/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
336	2.002165.000.00.00.H57	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây	1856/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

		thiệt hại (cấp xã)		nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã				
337	2.000424.000.00.00.H57	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	1818/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
338	2.000992.000.00.00.H57	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
339	2.001008.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

340	2.000942.000.00.00.H57	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
341	2.000927.000.00.00.H57	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

342	2.000913.000.00.00.H57	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
343	2.000884.000.00.00.H57	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

344	2.000815.000.00.00.H57	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
345	2.000908.000.00.00.H57	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	1843/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
346	2.000635.000.00.00.H57	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
347	1.000893.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

348	2.000497.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
349	2.000547.000.00.00.H57	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
350	2.000513.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
351	2.000522.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
352	2.000528.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

353	2.002189.000.00.00.H57	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
354	2.000554.000.00.00.H57	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
355	2.000748.000.00.00.H57	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
356	2.000756.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
357	1.001669.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

358	1.001695.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
359	2.000779.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
360	1.001766.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
361	2.000806.000.00.00.H57	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	1847/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
362	2.002190.000.00.00.H57	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp huyện)	2587/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

363	1.005462.000. 00.00.H57	Phục hồi danh dự (cấp huyện)	2587/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
364	1.003681.000. 00.00.H57	Xóa đăng ký tàu cá	1138/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
365	1.003634.000. 00.00.H57	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1138/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
366	1.001662.000. 00.00.H57	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	1824/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
367	2.000355.000. 00.00.H57	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	1852/QĐ- UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

368	2.001942.000.00.00.H57	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	897/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
369	2.001944.000.00.00.H57	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	897/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
370	1.004944.000.00.00.H57	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	897/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
371	1.004941.000.00.00.H57	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	897/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

372	2.001947.000.00.00.H57	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	2941/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
373	1.004946.000.00.00.H57	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	897/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
374	1.001653.000.00.00.H57	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	845/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
375	1.001699.000.00.00.H57	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	845/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
376	2.001661.000.00.00.H57	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	845/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
377	1.001731.000.00.00.H57	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

378	1.001776.000.00.00.H57	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
379	2.001960.000.00.00.H57	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	1886/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
380	2.000286.000.00.00.H57	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
381	2.000282.000.00.00.H57	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
382	2.000477.000.00.00.H57	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	1852/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

383	1.001257.000.00.00.H57	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
384	2.001396.000.00.00.H57	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
385	2.001157.000.00.00.H57	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
386	1.004964.000.00.00.H57	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1788/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

387	2.001217.000.00.00.H57	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
388	2.001218.000.00.00.H57	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

389	2.001211.000. 00.00.H57	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
390	2.001212.000. 00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

391	2.001214.000.00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
392	2.001215.000.00.00.H57	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	1851/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
393	2.001240.000.00.00.H57	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	1759/QĐ-UBND	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

394	1.005010.000. 00.00.H57	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
395	2.001973.000. 00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
396	1.004901.000. 00.00.H57	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	1358/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
397	2.001958.000. 00.00.H57	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

398	1.004979.000.00.00.H57	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
399	1.004982.000.00.00.H57	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
400	1.005377.000.00.00.H57	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
401	2.002123.000.00.00.H57	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

402	1.005378.000.00.00.H57	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	3687/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
403	1.005277.000.00.00.H57	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
404	1.005280.000.00.00.H57	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

405	1.000314.000. 00.00.H57	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1851/QĐ- UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
406	1.003658.000. 00.00.H57	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

407	1.004036.000. 00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
408	2.001659.000. 00.00.H57	Xóa đăng ký phương tiện	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

409	1.003930.000. 00.00.H57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
410	1.003970.000. 00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

411	1.004002.000. 00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
412	1.004088.000. 00.00.H57	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

413	2.001711.000. 00.00.H57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
414	1.004047.000. 00.00.H57	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
415	1.001714.000. 00.00.H57	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1886/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

416	1.000711.000.00.00.H57	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
417	1.000715.000.00.00.H57	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
418	1.000713.000.00.00.H57	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
419	1.001622.000.00.00.H57	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	668/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
420	2.001904.000.00.00.H57	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1853/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
421	1.001639.000.00.00.H57	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

422	1.004563.000.00.00.H57	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1789/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
423	1.004552.000.00.00.H57	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
424	2.001842.000.00.00.H57	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1789/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
425	1.005099.000.00.00.H57	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1853/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai
426	1.005108.000.00.00.H57	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1853/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

427	2.001921.000. 00.00.H57	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	1851/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
428	1.005090.000. 00.00.H57	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1886/QĐ- UBND	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
429	1.005143.000. 00.00.H57	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	1852/QĐ- UBND	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

430	1.001000.000.00.00.H57	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	1852/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
431	1.000288.000.00.00.H57	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
432	1.000691.000.00.00.H57	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
433	1.000280.000.00.00.H57	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1886/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Huế	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
434	1.003622.000.00.00.H57	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	81/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai

435	2.001199.000. 00.00.H57	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	1358/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Huế	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
436	2.002096.000. 00.00.H57	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	1898/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Công nghiệp địa phương (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Huế	Cấp Xã	Công khai